

Bản án số: 145/2024/HC-PT

Ngày: 08/3/2024

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duân, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lượng, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 627/2023/TLPT-HC ngày 02/10/2023, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2023/HC-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 431/2024/QĐPT-HC ngày 26 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Quốc H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An (Văn bản uỷ quyền ngày 05/12/2022, có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh Đ; Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Minh T; Chức vụ: Phó Chủ tịch (Văn bản uỷ quyền ngày 13/02/2023, vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Hoài T1, Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1954; Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị N1: Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1979; Địa chỉ: H T, phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản uỷ quyền ngày 17/02/2023, có mặt).

2. Ông Đỗ Chí T2, sinh năm 1972;

3. Ông Đỗ Chí L1, sinh năm 1976;

4. Ông Đỗ Chí T3, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An (cùng có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Chí T3: Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1979; Địa chỉ: H T, phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản uỷ quyền ngày 04/12/2023, có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N1 và ông Đỗ Chí T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu N có người đại diện theo uỷ quyền là ông Huỳnh Quốc H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu N yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 027581 do UBND huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị N1 ngày 30/12/1996 đối với thửa đất số 1203, tờ bản đồ số 04, diện tích 400m²; tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Huỳnh Quốc H đại diện theo uỷ quyền cho bà N yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N1 đối với phần diện tích đất còn lại của thửa 1203 tại khu D và khu E theo mảnh trích đo ngày 21/3/2023 của Công ty TNHH Đ1.

Lý do: Tháng 9/2022, bà N làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho con thì phát hiện phần đất mà gia đình bà N canh tác thuộc một phần thửa 1203, tờ bản đồ số 4; tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N1.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An trình bày tại Công văn số 603/UBND-NC ngày 21/02/2023, như sau:

Qua sao lục, kiểm tra hồ sơ địa chính, hồ sơ biến động và hồ sơ lưu trữ tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện không có lưu hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1203, tờ bản đồ số 4, tại xã P do UBND huyện cấp cho bà Nguyễn Thị N1. Do đó, UBND huyện C không có cơ sở có ý kiến về việc cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất số 1203, tờ bản đồ số 4.

Đối với nội dung yêu cầu của người khởi kiện, UBND huyện C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án, UBND huyện C sẽ tổ chức thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N1 có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Ngọc L trình bày:

Ngày 08/4/2015, bà N1 có tặng cho hai con là ông Đỗ Chí T2 thửa đất số 1936 và ông Đỗ Chí L1 thửa đất 1938 cùng tờ bản đồ số 4, (được tách từ thửa đất 1203, tờ bản đồ số 04); tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An. Hiện tại, thửa đất 1936 và 1938, tờ bản đồ số 4 do hai con của bà N1 là ông Đỗ Chí T2 và Đỗ Chí L1 đang sử dụng, hiện trạng các thửa đất có xây nhà ở và sinh sống ổn định từ 1996 đến nay, phần còn lại của thửa đất 1203 bà N1 đang quản lý sử dụng. Do đó, bà N1 không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị N1 đối với thửa đất số 1203, tờ bản đồ số 04, diện tích 400m²; tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Ông L xác định bà N1 không khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp vụ án dân sự đối với phần còn lại của thửa đất 1203 theo mảnh trích đo địa chính.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Chí T2, ông Đỗ Chí L1 trình bày:

Các ông thống nhất với nội dung trình bày của ông L. Các ông không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị N1 đối với phần còn lại của thửa đất số 1203, tờ bản đồ số 04; tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Chí T3 trình bày:

Ông là con trai của bà N1, bà N1 được cấp quyền sử dụng nhiều thửa đất, trong đó có thửa 1203, trên thửa đất 1203, bà N1 tách cho ông T2 một phần là thửa 1936 và tách cho ông L1 một phần là thửa 1938, phần còn lại của thửa 1203 như mảnh trích đo bà N1 đã cho ông sử dụng từ 1998 đến nay nhưng chưa sang tên. Nay bà N1 yêu cầu hủy giấy của bà N1 đối với phần còn lại của thửa 1203 ông không đồng ý.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2023/HC-ST ngày 16/6/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 348, Điều 357, Điều 358, Điều 30, Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 10, Điều 37, Điều 105 Luật Đất đai năm 2003,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu N.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 027581 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị N1 ngày 30/12/1996 đối với phần còn lại thửa

đất số 1203, tờ bản đồ số 04, (khu D, E theo mảnh trích đo ngày 21/3/2023); tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/6/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N1, ông Đỗ Chí T3 kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2023/HC-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Huỳnh Quốc H là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu N không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện. Ông Phạm Ngọc L là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị N1 và ông Đỗ Chí T3 không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận các đương sự trình bày như sau:

Ông Phạm Ngọc L là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị N1 và ông Đỗ Chí T3 trình bày: Bà N1 nhận chuyển nhượng đất từ bà K vào năm 1996 là có thật, có viết giấy tay với nhau, các nhân chứng trong đó có con cháu bà K xác nhận, có kê khai đăng ký, trực tiếp sử dụng, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp và có đóng thuế đầy đủ. Bà N không chứng minh được phần đất tranh chấp là của ông H1 để lại, không kê khai đăng ký và không trực tiếp sử dụng đất; lời khai của các những người làm chứng do bà N cung cấp chỉ mang tính tham khảo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của bà N1, ông T3; sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà N.

Bà Nguyễn Thị N1 và ông Đỗ Chí T3 trình bày: Thông nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông L, không bổ sung gì thêm.

Ông Huỳnh Quốc H là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu N trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha bà N là ông Nguyễn Văn H2 để lại cho bà N. Bà N sử dụng trồng dừa nước nhưng hiện nay là đất trống. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà N1 là cấp đại trà, không được đo đạc chính xác; tại Mảnh trích đo ngày 21/3/2023 thể hiện Nhà nước cấp nhầm phần đất có ký hiệu D và E của bà N cho bà N1. Các nhân chứng đều xác nhận đất có nguồn gốc của ông H2, do ông H2 và bà N trực tiếp sử dụng. Tại biên bản hoà giải của UBND xã P, bà N1 thừa nhận ranh đất đúng như bà N chỉ, đồng ý giao giấy chứng nhận để bà N làm thủ tục điều chỉnh, nhưng sau đó không thực hiện. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà N1, ông T3 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thu N: Đồng ý với lời trình bày và yêu cầu của ông H, không bổ sung gì thêm.

Ông Nguyễn Hoài T1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện C trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Đỗ Chí T2 và ông Đỗ Chí L1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông L, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên toà, thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N1 và ông Đỗ Chí T3 làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Bản án hành chính sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu N, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 027581 do UBND huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị N1 ngày 30/12/1996 đối với phần còn lại thửa đất số 1203, tờ bản đồ số 04, (khu D, E theo mảnh trích đo ngày 21/3/2023); tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bà N1 và ông T3 không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà N1, ông T3 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N1 và ông Đỗ Chí T3 làm trong hạn luật định. Bà Nhỏ sinh năm 1954 là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm. Ông T3 đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai thu số 3599 ngày 26/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An. Do đó, đơn kháng cáo của bà N1, ông T3 đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tháng 9/2022, bà Nguyễn Thị Thu N tiến hành làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho con thì phát hiện phần đất mà gia đình bà N canh tác thuộc một phần thửa 1203, tờ bản đồ số 4 (tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An) đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 027581 cho bà Nguyễn Thị N1 ngày 30/12/1996. Nên ngày 12/12/2022 bà N khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý, xét xử vụ án là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện, phù hợp với các quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30 điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về áp dụng pháp luật: Bà Nguyễn Thị N1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/12/1996, tại thời điểm Luật Đất đai năm 1993 có hiệu lực pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Luật Đất đai năm 2003 để giải quyết vụ án là không đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Xét kháng cáo của bà N1 và ông T3, nhận thấy:

[4.1] Về thẩm quyền ban hành và trình tự thủ tục ban hành quyết định: UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 027581 cho bà Nguyễn Thị N1 ngày 30/12/1996 đối với thửa 1203, tờ bản đồ số 4, diện tích 400m²; tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An là đúng với quy định tại Điều 24 Luật Đất đai năm 1993.

[4.2] Về nội dung:

[4.2.1] Tại phiên toà phúc thẩm, ông H là người đại diện hợp pháp cho bà N xác định đất của bà N được Nhà nước cấp giấy chứng nhận gồm thửa 1296/270m², thửa 1303/263m²; phần đất của bà N mà Nhà nước cấp nhầm giấy chứng nhận cho bà N1 thuộc thửa 1303. Như vậy có căn cứ để xác định các thửa đất 1296, 1303 của bà N và thửa 1203 đang tranh chấp là 3 thửa đất độc lập, cùng tờ bản đồ số 4.

[4.2.2] Bà N và những người làm chứng do bà N cung cấp đều xác định thửa đất số 1203 có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn H2 (là cha của bà N) sử dụng từ trước và để lại cho bà N. Tuy nhiên, bà N không chứng minh được và trong hồ sơ vụ án không có bất kỳ tài liệu nào thể hiện thửa 1203 có nguồn gốc của ông H2, do ông H2 hoặc bà N đăng ký sử dụng qua các thời kỳ; trong khi đó, bà N1 đã chứng minh được việc kê khai đăng ký sử dụng, có đóng thuế và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp.

[4.2.3] Biên bản hoà giải ngày 12/10/2022 tại UBND xã P thể hiện thành phần tiến hành hoà giải gồm các ông bà Lê Văn N2, Võ Quốc C, Phạm Văn B, Võ Thị H3, Nguyễn Văn H4 và Phạm Thị Thanh L2, nhưng ông B và ông H4 không ký vào biên bản. Mặt khác, biên bản hoà giải này không có bản vẽ hay hoạ đồ kèm theo, để thể hiện bà N1 đồng ý theo ranh giới nào giữa hai bên. Do đó, biên bản hoà giải này không có giá trị chứng minh.

[4.2.4] Như mục [4.2.2] đã phân tích, bà N không chứng minh được thửa 1203 có nguồn gốc của ông H2, do ông H2 hoặc bà N kê khai đăng ký sử dụng. Mặc dù, giấy tay mua bán đất giữa bà N1 và bà K có nhiều màu mực, nét chữ khác nhau, nhưng giữa bà K và bà N1 không có tranh chấp với nhau về quyền sử dụng đất hay về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó, bản án sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ này để xác định thửa đất số 1203 của bà N là có sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ.

[4.2.5] Cả bà N và bà N1 đều xác định mình là người trực tiếp sử dụng đất. Tại phiên toà phúc thẩm, ông H xác định trước đây bà N trồng dừa lấy lá nhưng không cung cấp được chứng cứ; trong khi bà N1 cung cấp được 02 tấm ảnh thể

hiện bà N1 có xây dựng một cái chòi trên phần đất tranh chấp và hiện nay vẫn còn. Do đó, có căn cứ xác định bà N1 là người trực tiếp sử dụng đất.

[4.3] Từ những căn cứ phân tích nêu xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào những lời khai của những người làm chứng và biên bản hòa giải tại UBND xã P ngày 12/10/2022 để công nhận đất cho bà N và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 027581 do UBND huyện C cấp cho bà N1 ngày 30/12/1996 là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà N1. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

[4.4] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà N phải nộp 300.000 đồng. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 1637 ngày 02/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

[6] Về chi phí tố tụng: Tại cấp sơ thẩm bà N tự nguyện chịu và không có kháng cáo về phần này nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nhỏ và ông T3 không phải nộp. Trả lại cho ông T3 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính,

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N1 và ông Đỗ Chí T3.

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2023/HC-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Áp dụng Luật Đất đai năm 1993;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu N, về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 027581 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp cho bà Nguyễn Thị N1 ngày 30/12/1996, đối với phần còn lại thửa đất số 1203, tờ bản đồ số 04 (khu D, E theo mảnh trích đo ngày 21/3/2023); tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

[2] Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu N phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai thu số 1637 ngày 02/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An. Bà N đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu N tự nguyện chịu và đã nộp đủ nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N1 và ông Đỗ Chí T3 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Trả cho ông Đỗ Chí T3 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 3599 ngày 26/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại
Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, THCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa